

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-8-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Mạnh

Ông Bùi Đức Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị S, sinh năm 1995; Nơi thường trú: Thôn P, xã K, huyện B, thành phố Hà Nội; Nơi tạm trú: Thôn T1, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1997; Nơi thường trú: Thôn P, xã K, huyện B, thành phố Hà Nội; Nơi tạm trú: Thôn T1, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 6 năm 2022 cùng các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên và tại phiên tòa, chị Vũ Thị S (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị Vũ Thị S kết hôn với anh Nguyễn Văn T2 vào năm 2019 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện B, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2019 ngày 14/8/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn T1, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, anh Nguyễn Văn T2 thiếu trách nhiệm không quan tâm tới gia đình vợ con dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Chị Vũ Thị S đã nhiều lần đưa con về nhà mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Nay chị Vũ Thị S khẳng định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T2.

Về con chung: Chị Vũ Thị S anh Nguyễn Văn T2 có 01 con chung tên là Nguyễn Anh D, sinh ngày 10/9/2020. Hiện con đang khỏe mạnh, phát triển bình thường và do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị và anh Nguyễn Văn T2 đều là lao động tự do thu nhập gần như nhau khoảng 9.000.000 đồng một tháng, chị có nơi ăn ở ổn định tại nhà cha mẹ đẻ, anh Nguyễn Văn T2 phải thuê nhà ở trọ. Khi ly hôn chị Vũ Thị S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đề nghị anh Nguyễn Văn T2 cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng một tháng kể từ tháng 9 năm 2022.

Về tài sản chung: Chị Vũ Thị S trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Trong bản khai ngày 11 tháng 8 năm 2022 cùng các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên và tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T2 (bị đơn) trình bày:

Anh Nguyễn Văn T2 thừa nhận toàn bộ lời trình bày của chị Vũ Thị S là đúng. Theo anh Nguyễn Văn T2 mâu thuẫn vợ chồng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống chưa đến mức phải ly hôn. Nay chị Vũ Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh Nguyễn Văn T2 khẳng định anh còn tình cảm với vợ, anh có thể thay đổi bản thân vì vợ con và nếu ly hôn sẽ có hậu quả xấu đối với con nên anh không đồng ý ly hôn. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con anh đề nghị giải quyết theo pháp luật và anh chấp nhận yêu cầu, đề nghị của chị Vũ Thị S. Về tài sản chung vợ chồng không có và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết nội dung vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị S và anh Nguyễn Văn T2. Giao con chung tên là Nguyễn Anh D, sinh ngày 10/9/2020 cho chị Vũ Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 đồng một tháng. Về tài sản chung vợ chồng do Tòa án không thụ lý giải quyết khi ly hôn nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và bị đơn phải chịu án phí nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về các tài liệu, chứng cứ và tình tiết của vụ án:

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Về quan hệ hôn nhân, con chung và lý do đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà đương sự giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được nên thuộc trường hợp không phải chứng minh; Quan hệ tài sản chung vợ chồng đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề phải chứng minh.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị S và anh Nguyễn Văn T2 được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2019 ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện B, thành phố Hà Nội là hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, anh Nguyễn Văn T2 thừa nhận có thiếu trách nhiệm với vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân nhau nhiều lần và sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Vũ Thị S xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T2. Anh Nguyễn Văn T2 không đồng ý ly hôn và khẳng định anh còn tình cảm với vợ, anh sẽ có trách nhiệm hơn với vợ con và nếu ly hôn sẽ có hậu quả xấu đối với con. Tòa án đã tiến hành hoà giải nhưng hai bên vẫn giữ nguyên quan điểm. Căn cứ vào thực tế của quan hệ hôn nhân và quy định của pháp luật, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vũ Thị S với anh Nguyễn Văn T2.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị S và anh Nguyễn Văn T2 có một con chung tên là Nguyễn Anh D, sinh ngày 10/9/2020. Khi ly hôn chị Vũ Thị S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh Nguyễn Văn T2 cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng một tháng kể từ tháng 9 năm 2022, anh Nguyễn Văn T2 đề nghị giải quyết theo pháp luật và anh chấp nhận yêu cầu, đề nghị của chị Vũ Thị S. Tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự thể hiện hiện cháu Nguyễn Anh D dưới 36 tháng tuổi, hiện đang khỏe mạnh, phát triển bình thường và do chị Vũ Thị S trực tiếp nuôi dưỡng và chị Vũ Thị S đủ điều kiện nuôi con. Căn cứ vào tình hình thực tế, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, quan điểm của các đương sự và quy định của pháp luật nên áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung tên là Nguyễn Anh D cho chị Vũ Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ tháng 9 năm 2022.

[4] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị S và anh Nguyễn Văn T2 không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Vũ Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và anh Nguyễn Văn T2 phải chịu 300.000 đồng án phí nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị S và anh Nguyễn Văn T2.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên là Nguyễn Anh D, sinh ngày 10/9/2020 cho chị Vũ Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Việc trực tiếp nuôi con chung được thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên là Nguyễn Anh D, sinh ngày 10/9/2020 với mức 2.000.000 đồng một tháng kể từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung: Chị Vũ Thị S và anh Nguyễn Văn T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T2 phải chịu 300.000 đồng án phí nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ sơ thẩm. Chị Vũ Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Vũ Thị S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tại Biên lai số 0008090 ngày 25 tháng 7 năm 2022. Chị Vũ Thị S đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị S và anh Nguyễn Văn T2 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã K, huyện B, thành phố Hà Nội;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trung Hiếu